

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức (lãnh đạo và không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) và viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2022 theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2022, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc

1. Mục đích:

a) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức nhằm chủ động phòng ngừa các biểu hiện tiêu cực, hành vi tham nhũng trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, hoạt động nghề nghiệp của viên chức góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

b) Hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong công tác, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tận tụy, trách nhiệm với công việc; góp phần thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ công.

2. Yêu cầu và nguyên tắc chuyển đổi

a) Việc chuyển đổi vị trí công tác phải bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trù dập cán bộ, công chức, viên chức.

d) Phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ; không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc huyện; không gây tư tưởng hoang mang, dao động cho cán bộ, công chức, viên chức.

e) Cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác phải chấp hành nghiêm các quyết định của cấp có thẩm quyền.

II. Cơ sở pháp lý

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Các Thông tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết danh mục và thời hạn chuyển đổi vị trí công tác tại chính quyền địa phương.

- Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai.

III. Đối tượng, vị trí công tác, danh mục, thời hạn, thời gian chuyển đổi

1. Đối tượng, vị trí công tác, danh mục phải chuyển đổi: Công chức (lãnh đạo và không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) và viên chức trong cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được phân công thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, khoản 2 Điều 36 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ và các Thông tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết danh mục và thời hạn chuyển đổi vị trí công tác tại chính quyền địa phương.

2. Thời hạn, thời gian chuyển đổi:

a) Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 05 năm trở lên (trong trường hợp cần thiết có thể dưới 05 năm, nhưng phải từ đủ 03 năm trở lên).

b) Thời gian thực hiện chuyển đổi:

- Đối với công chức lãnh đạo, quản lý triển khai thực hiện trong năm 2022.

- Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức thực hiện trong quý IV năm 2022.

3. Các trường hợp chưa thực hiện chuyển đổi:

a) Người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật.

b) Người đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.

c) Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; người đang đi học tập trung từ 12 tháng trở lên, người đang biệt phái.

d) Phụ nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; nam giới đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc trong trường hợp khách quan khác.

4. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với người có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

5. Quyền và nghĩa vụ của người phải chuyển đổi:

Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan.

IV. Phương thức chuyển đổi

1. Chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng Quyết định điều động và bổ nhiệm đối với lãnh đạo quản lý từ cơ quan chuyên môn này sang cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

2. Chuyển đổi vị trí công tác cùng chuyên môn, nghiệp vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

3. Chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng Quyết định điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

V. Trình tự thực hiện

1. Rà soát thống kê danh sách cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi trong năm 2022 theo biểu mẫu (mẫu số 01 các trường hợp thuộc diện phải chuyển đổi; mẫu số 02 các trường hợp chưa thực hiện chuyển đổi kèm tài liệu minh chứng; mẫu số 03 các trường hợp không thực hiện chuyển đổi), gửi về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Nội vụ) **trước ngày 15/9/2022**.

Riêng công chức lãnh đạo quản lý thuộc diện chuyển đổi giao Phòng Nội vụ rà soát, tổng hợp.

2. Tổng hợp thống kê phân loại các đối tượng theo Mục IV kế hoạch này.

3. Triển khai thực hiện quy trình điều động và bổ nhiệm đối với công chức lãnh đạo, quản lý theo quy trình tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ đối với các đối tượng thuộc Khoản 1 Mục IV.

4. Thông báo đối tượng phải chuyển đổi đến người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Khoản 2 Mục IV kế hoạch này.

5. Thông báo công khai việc chuyển đổi đối với các đối tượng tại khoản 3 Mục IV kế hoạch này (các đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn) trong thời hạn ít nhất 10 ngày trước khi ban hành Quyết định điều động, chuyển công tác.

6. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định điều động và bổ nhiệm (đối với công chức lãnh đạo), điều động (đối với công chức xã) chuyển công tác (đối với viên chức) để thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiến hành rà soát báo cáo các nội dung quy định tại Khoản 1 Mục V Kế hoạch này.

Thực hiện chuyển đổi trong cơ quan, đơn vị theo Khoản 2 Mục IV khi có Thông báo đối tượng chuyển đổi của Ủy ban nhân dân huyện, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Nội vụ*) theo dõi.

2. Giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Kế hoạch này và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Th/trúc Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

Biểu mẫu số 01

[illegible]

